

Số: /QĐ-SYT Đăk Lăk, ngày tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Cấp mới, cấp lại, thu hồi Giấy phép hành nghề
khám bệnh, chữa bệnh tuần 35 năm 2026

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 37/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Biên bản họp ngày 03 tháng 09 năm 2026 của Tổ thư ký thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Dược, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp mới, cấp lại Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho **38** cá nhân đủ điều kiện (*Chi tiết theo phụ lục I đính kèm*).

Điều 2. Thu hồi **05** Chứng chỉ hành nghề/Giấy phép hành nghề sau cấp mới, cấp lại giấy phép hành nghề (*Chi tiết theo phụ lục II đính kèm*).

Điều 3. Ông (bà) được cấp Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh tại Điều 1 có trách nhiệm thực hiện đúng phạm vi hành nghề, thời hạn hành nghề và tuân thủ các quy định hiện hành đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 4. Ông (bà) có tên tại Điều 2 không được sử dụng Chứng chỉ hành nghề do Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk đã thu hồi tại Quyết định này để hành nghề khám bệnh, chữa bệnh dưới bất kỳ hình thức nào kể từ ngày Quyết định có hiệu lực. Việc tiếp tục hành nghề khám bệnh, chữa bệnh chỉ được phép khi đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 19, Luật Khám bệnh chữa bệnh ngày 09/01/2023.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Chánh văn phòng, Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Dược, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Ông (bà) có tên tại Điều 1, Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Giám đốc, các PGĐ Sở Y tế;
- Website Sở Y tế (*đăng tải*);
- Lưu: VT, NVYD (01b).

KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Vũ Quang

Phụ lục I
DANH SÁCH CẤP MỚI, CẤP LẠI
GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH TUẦN 35 NĂM 2026
(Ban hành kèm theo Quyết định /QĐ-SYT ngày tháng 09 năm 2026 của Sở Y tế)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Nguyễn Văn Cửu	07/11/1992	066092013273	12/08/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Y khoa	002258/ĐL-GPHN	28/08/2026	28/08/2031	Cấp lại
2	Đoàn Thị Minh Phụng	12/05/1984	054184000260	29/10/2024	Bộ Công an	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002264/ĐL-GPHN	28/08/2026	28/08/2031	Cấp lại
3	Nguyễn Thị Lê	23/01/1990	066190020836	27/12/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002302/ĐL-GPHN	04/09/2026	04/09/2031	Cấp lại
4	Nguyễn Thị Yến Ngọc	24/03/2001	054301007026	18/03/2026	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002303/ĐL-GPHN	04/09/2026	04/09/2031	Cấp mới (lần đầu)
5	Đặng Tô Nam	22/10/1991	054091000139	15/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Y khoa	002304/ĐL-GPHN	04/09/2026	04/09/2031	Cấp mới (thay đổi chức danh)
6	Nghiêm Phú Đạt	02/12/2001	001201039697	13/06/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y học cổ truyền	002305/ĐL-GPHN	04/09/2026	04/09/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
7	Nguyễn Thị Mỹ Linh	29/09/1999	054199005094	09/11/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002306/ĐL-GPHN	04/09/2026	04/09/2031	Cấp mới (lần đầu)
8	Dương Yến Ngọc	19/06/2001	066301014390	27/03/2026	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002307/ĐL-GPHN	04/09/2026	04/09/2031	Cấp mới (lần đầu)
9	Nguyễn Thảo Vy	10/07/2001	066301016082	23/06/2026	Bộ Công an	Bác sĩ	Răng Hàm Mặt	002308/ĐL-GPHN	04/09/2026	04/09/2031	Cấp mới (lần đầu)
10	Ngô Thị Mai Lan	22/10/2001	066301016585	09/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Răng Hàm Mặt	002309/ĐL-GPHN	04/09/2026	04/09/2031	Cấp mới (lần đầu)
11	Ma Thị Oanh	28/08/2000	066300016520	31/07/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002310/ĐL-GPHN	04/09/2026	04/09/2031	Cấp mới (lần đầu)
12	Nguyễn Thị Hà	03/11/1990	040190043844	22/03/2024	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Xét nghiệm Y học	002311/ĐL-GPHN	04/09/2026	04/09/2031	Cấp mới (lần đầu)
13	Hải Sâm	30/08/1996	066096013152	12/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Y sĩ	Đa khoa	002312/ĐL-GPHN	04/09/2026	04/09/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
14	Bùi Thị Thúy Hiền	22/10/2001	066301004175	06/07/2026	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002313/ĐL-GPHN	04/09/2026	04/09/2031	Cấp mới (lần đầu)
15	Lê Hoàng Quân	02/12/2001	066201000259	17/02/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Y khoa	002314/ĐL-GPHN	04/09/2026	04/09/2031	Cấp mới (lần đầu)
16	Lâm Thế Anh	29/01/2001	066201014577	28/07/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002315/ĐL-GPHN	04/09/2026	04/09/2031	Cấp mới (lần đầu)
17	Vũ Xuân Thanh	23/07/2001	066201009604	13/07/2026	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002316/ĐL-GPHN	04/09/2026	04/09/2031	Cấp mới (lần đầu)
18	Lã Thị Huyền	12/01/2001	070301010386	08/10/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002317/ĐL-GPHN	04/09/2026	04/09/2031	Cấp mới (lần đầu)
19	Y Jen Hi Niê	22/11/2000	066200013751	14/11/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y học cổ truyền	002318/ĐL-GPHN	04/09/2026	04/09/2031	Cấp mới (lần đầu)
20	Lê Thị Kiều Duyên	25/05/2001	067301006061	16/05/2026	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002319/ĐL-GPHN	04/09/2026	04/09/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
21	Phạm Thị Thu Hoài	22/02/2001	067301005694	25/12/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002320/ĐL-GPHN	04/09/2026	04/09/2031	Cấp mới (lần đầu)
22	Hoàng Thành Thiện Khoa	01/04/2001	066201015067	18/03/2026	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002321/ĐL-GPHN	04/09/2026	04/09/2031	Cấp mới (lần đầu)
23	Trần Quang Nhật	25/09/1999	066099009241	16/07/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002322/ĐL-GPHN	04/09/2026	04/09/2031	Cấp mới (lần đầu)
24	Hồ Thị Huyền	16/05/2000	066300006332	04/02/2026	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002323/ĐL-GPHN	04/09/2026	04/09/2031	Cấp mới (lần đầu)
25	Nguyễn Thị Diễm Linh	24/02/2001	067301000434	24/12/2025	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002324/ĐL-GPHN	04/09/2026	04/09/2031	Cấp mới (lần đầu)
26	A Lê Thị Hoàng Kim	11/06/2004	054304002662	22/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Y sĩ	Đa khoa	002325/ĐL-GPHN	04/09/2026	04/09/2031	Cấp mới (lần đầu)
27	Lê Thị Thanh Trà	11/12/2001	066301000412	08/06/2026	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002326/ĐL-GPHN	04/09/2026	04/09/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
28	Lê Bảo Tuyên	09/08/2001	054201008761	28/06/2026	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002327/ĐL-GPHN	04/09/2026	04/09/2031	Cấp mới (lần đầu)
29	Phạm Thị Cẩm Thạch	10/09/1990	066190017701	09/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Y sĩ	Y học cổ truyền	002328/ĐL-GPHN	04/09/2026	04/09/2031	Cấp mới (lần đầu)
30	Lưu Thị Thúy Hà	22/11/2001	066301006602	15/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Y khoa	002329/ĐL-GPHN	04/09/2026	04/09/2031	Cấp mới (lần đầu)
31	Lương Trần Nhi	30/12/2002	054302000408	13/04/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Kỹ thuật y	Xét nghiệm Y học	002330/ĐL-GPHN	04/09/2026	04/09/2031	Cấp mới (lần đầu)
32	Trần Thị Kim Cúc	04/04/2001	044301009346	31/03/2026	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002331/ĐL-GPHN	04/09/2026	04/09/2031	Cấp mới (lần đầu)
33	Phạm Thị Ngọc Diệu	27/10/2001	048301003077	07/03/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Điều dưỡng	Điều dưỡng	002332/ĐL-GPHN	04/09/2026	04/09/2031	Cấp mới (lần đầu)
34	Lục Thị Minh Trang	19/05/2001	066301000979	27/03/2026	Bộ Công an	Bác sĩ	Y khoa	002333/ĐL-GPHN	04/09/2026	04/09/2031	Cấp mới (lần đầu)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Ngày cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Chức danh CM</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Số ký hiệu GPHN</i>	<i>Ngày cấp GPHN</i>	<i>Thời hạn GPHN</i>	<i>Ghi chú</i>
35	Trịnh Thị Hà	19/04/1989	038189007111	04/06/2023	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Y khoa	002334/ĐL- GPHN	04/09/2026	04/09/2031	Cấp mới (thay đổi chức danh)
36	Nguyễn Thị Thanh Hoa	26/12/2001	066301013419	27/12/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Y khoa	002335/ĐL- GPHN	04/09/2026	04/09/2031	Cấp mới (lần đầu)
37	Trần Thị Thu Ba	17/09/1992	046192016148	09/05/2022	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Bác sĩ	Y khoa	002336/ĐL- GPHN	04/09/2026	04/09/2031	Cấp mới (lần đầu)
38	Bế Thanh Tuệ	30/09/1992	066092007270	20/08/2021	Cục Cảnh sát QLHC về TTXH	Y sĩ	Y học cổ truyền	002337/ĐL- GPHN	04/09/2026	04/09/2031	Cấp mới (lần đầu)

Danh sách bao gồm 38 cá nhân./.

Phụ lục II
DANH SÁCH THU HỒI
CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ/GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH TUẦN 35 NĂM 2026
(Ban hành kèm theo Quyết định /QĐ-SYT ngày tháng 09 năm 2026 của Sở Y tế)

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Số CCHN/GPHN</i>	<i>Ngày cấp CCHN/GPHN</i>	<i>Văn bằng CM/Chức danh</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Lý do thu hồi</i>
1	Nguyễn Văn Cửu	11/07/1992	066092013273	002258/ĐL- GPHN	11/08/2026	Bác sĩ	Y khoa	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
2	Đoàn Thị Minh Phụng	12/05/1984	054184000260	002264/ĐL- GPHN	11/08/2026	Kỹ thuật y	Xét nghiệm Y học	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn

<i>TT</i>	<i>Họ tên</i>	<i>Ngày sinh</i>	<i>CCCD</i>	<i>Số CCHN/GPHN</i>	<i>Ngày cấp CCHN/GPHN</i>	<i>Văn bằng CM/Chức danh</i>	<i>Phạm vi hành nghề</i>	<i>Lý do thu hồi</i>
3	Nguyễn Thị Lê	23/01/1990	066190020836	002447/ĐL-CCHN	22/08/2023	Điều dưỡng	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
4	Đặng Tổ Nam	22/10/1991	221257428	002448/PY-CCHN	28/12/2016	Y sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn
5	Trịnh Thị Hà	19/04/1989	241364986	001639/ĐL-CCHN	15/07/2013	Y sĩ	Thực hiện chức năng chuyên môn theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ Nội vụ	Người hành nghề được cấp lại GPHN hoặc cấp mới GPHN do thay đổi chức danh chuyên môn

Danh sách bao gồm 05 cá nhân./.